

# LỄ GHÉT THƯƠNG

(Trích *Truyện Lục Vân Tiên*)

NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU<sup>(\*)</sup>

## KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Hiểu được tư tưởng ghét hôn quân, bạo chúa, thương người hiền tài của tác giả qua lời ông Quán trong đoạn trích.*
- *Thấy được nghệ thuật truyền cảm bằng cách dùng điệp ngữ, thành ngữ, tiểu đối, từ láy trong đoạn trích.*

## TIỂU DẪN

*Truyện Lục Vân Tiên* là tác phẩm lớn của văn học Việt Nam, được nhân dân, đặc biệt là nhân dân Nam Bộ yêu chuộng. Nguyễn Đình Chiểu sáng tác *Truyện Lục Vân Tiên* vào khoảng sau năm 1850, khi ông mở trường dạy học. Tác phẩm được sáng tác trên cơ sở các mô típ của văn học dân gian và truyện trung đại kết hợp với một số tình tiết có thật trong cuộc đời tác giả. Truyện được lưu truyền sâu rộng và có nhiều dị bản.

Truyện kể về Lục Vân Tiên, một chàng trai văn võ song toàn, trên đường đi thi đã đánh tan bọn cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga. Nguyệt Nga nguyện lấy chàng để trả nghĩa. Cũng trên đường đi thi được tin mẹ chết, chàng phải về chịu tang và thương khóc mẹ đến mù hai mắt. Chàng bị Trịnh Hâm ghen tài, lừa đẩy xuống sông rồi bị cha con Vô Thế Loan trở mặt: trước kia hứa gả con gái cho, sau thấy Lục Vân Tiên bị mù thì bội ước, bỏ chàng trong hang núi. Nhưng chàng được người tốt và thần cứu, cuối cùng mắt chàng sáng ra, thi đỗ Trạng nguyên, được cử đi đánh giặc Ô Qua, cứu nước.

Nguyệt Nga chung thủy với Vân Tiên nhưng bị Thái sư bắt đi cống cho giặc. Nàng không chịu, nhảy xuống sông tự tử, nhưng được cứu sống. Sau đó, nàng bị cha con Bùi Kịch ép duyên, phải bỏ trốn. Cuối cùng, Vân Tiên thắng trận trở về gặp lại Nguyệt Nga, cùng nàng kết duyên vợ chồng.

Đoạn trích *Lễ ghét thương* (từ câu 473 đến 504) nói về cuộc trò chuyện giữa nhân vật ông Quán và mấy nho sĩ trẻ tuổi. Đó là lúc Vân Tiên cùng bạn Vương Tử Trực đi thi, vào quán trọ gặp Trịnh Hâm và Bùi Kịch cũng là sĩ tử.

---

(\*) Về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Nguyễn Đình Chiểu, xem bài *Nguyễn Đình Chiểu* ở trang 35.

Trịnh Hàm đề nghị bốn người làm thơ, so tài cao thấp. Trịnh Hàm, Bùi Kiem thua tài lại nghị Lục Văn Tiên và Vương Tử Trực gian lận. Ông Quán nhân đó mới bàn về lẽ ghét thương ở đời<sup>(\*)</sup>.

\* \* \*

1. Quán rằng : "Kính sử<sup>(1)</sup> đã từng,  
Coi rồi lại khiến lòng hằng xót xa.  
Hỏi thời ta phải nói ra,  
Vì chùng hay ghét cũng là hay thương".
5. Tiên rằng : "Trong đục chưa tường,  
Chẳng hay thương ghét, ghét thương lẽ nào ?".  
Quán rằng : "Ghét việc tâm phào<sup>(2)</sup>,  
Ghét cay, ghét đắng, ghét vào tận tâm.  
Ghét đời Kiệt, Trụ mê dâm<sup>(3)</sup>,
10. Để dân đến nỗi sa hãm sẩy hang.  
Ghét đời U, Lệ<sup>(4)</sup> đa đoan<sup>(5)</sup>,  
Khiến dân luống chịu lầm than muôn phần.  
Ghét đời Ngũ bá<sup>(6)</sup> phân vân<sup>(7)</sup>,  
Chuộng bề dối trá làm dân nhọc nhằn.
15. Ghét đời thúc quý<sup>(8)</sup> phân băng<sup>(9)</sup>,  
Sớm đâu<sup>(10)</sup> tới đánh lừng nhằng<sup>(11)</sup> rối dân.

(\*) Ở phần Văn học, để tiện theo dõi, người biên soạn thường đánh số thứ tự dòng thơ hoặc chia đoạn văn bản.

(1) *Kính sử* : sách kinh và sách sử của nho gia.

(2) *Việc tâm phào* : việc vớ vẩn. Trong bài có nghĩa là việc xằng bậy có hại cho dân.

(3) *Kiệt, Trụ mê dâm* : vua Kiệt cuối đời nhà Hạ, vua Trụ cuối đời nhà Thương. Hai vua tàn ác, hoang dâm, bị nhân dân oán ghét mà mất ngôi.

(4) *U, Lệ* : U Vương và Lệ Vương đời nhà Chu làm nhiều việc bạo ngược.

(5) *Đa đoan* : lắm chuyện lời thối.

(6) *Ngũ bá* : năm vua chư hầu thời Xuân thu đời nhà Chu. Các vua này ý thế nước lớn, muốn xưng bá nên kéo bè kéo cánh, xúi nước này đánh nước kia, khống chế, lấn át nhà Chu, gây chiến tranh hại dân.

(7) *Phân vân* : ở đây ý nói lộn xộn, rối loạn (khác với từ "phân vân" trong tiếng Việt hiện đại).

(8) *Thúc quý* : đời suy loạn cuối nhà Đường, chiến tranh liên miên, nhân dân rất khổ.

(9) *Phân băng* : chia lìa đổ nát.

(10) *Đâu* : đâu hàng.

(11) *Lừng nhằng* : ý nói tình thế rối bời, kéo dài ; gỡ không ra.

- Thương là thương đức thánh nhân<sup>(1)</sup>,  
 Khi nơi Tống, Vệ lúc Trần, lúc Khuông<sup>(2)</sup>.  
 Thương thầy Nhan Tử<sup>(3)</sup> dở dang,*
20. *Ba mươi một tuổi, tách đàn công danh.  
 Thương ông Gia Cát<sup>(4)</sup> tài lành,  
 Gặp cơn Hán diệt<sup>(5)</sup> đã đành phui pha<sup>(6)</sup>.  
 Thương thầy Đổng Tử<sup>(7)</sup> cao xa,  
 Chí thời có chí, ngôi mà không ngôi.*
25. *Thương người Nguyễn Lượng<sup>(8)</sup> nài nài,  
 Lỡ bề giúp nước lại lui về cày.  
 Thương ông Hàn Dũ<sup>(9)</sup> chẳng may,  
 Sớm dâng lời biểu, tối đây đi xa.  
 Thương thầy Liêm, Lạc<sup>(10)</sup> đã ra,*

- 
- (1), (2) *Đức thánh nhân* : chỉ Khổng Tử, người nước Lô, sống ở thời Xuân thu, từng đi các nước Tống, Vệ, Trần,... tìm cách thực hiện đạo của mình mà không được. *Khuông* là tên ấp, nơi ông đã từng bị vây hãm.
- (3) *Nhan Tử* : Nhan Hối, tên tự là Tử Uyên, học trò đức hạnh nhất của Khổng Tử, mất khi mới ba mươi một tuổi.
- (4) *Gia Cát* : Gia Cát Lượng, tên tự là Khổng Minh, người nổi tiếng mưu lược. Ông một lòng giúp Lưu Bị khôi phục cơ nghiệp nhà Hán, nhưng đến khi chết (năm mười tư tuổi), sự nghiệp vẫn chưa hoàn thành.
- (5) *Hán diệt* : thời nhà Hán suy vi, tức vào khoảng thời Tam quốc phân tranh. *Cơn Hán diệt* còn có nghĩa là lúc vận nhà Hán đã hết.
- (6) *Phui pha* : uống phí.
- (7) *Đổng Tử* : Đổng Trọng Thư, nhà nho nổi tiếng thời Hán, tài cao học rộng, được tôn làm "Đại sư" một thời. Ông từng làm Giang Đô tướng thời Hán Vũ Đế, đề xuất nhiều kế sách cho nhà vua, nhưng bị bắt giam, suýt bị giết hại, sau được xá tội. Ông lại làm Tế tướng cho vua Liêu Tây, sau sợ tai họa, cáo bệnh về nhà, vì thế mà nói "ngôi mà không ngôi".
- (8) *Nguyễn Lượng* : tên tự của Đào Tiềm (còn có tên là Uyên Minh). Ông là nhà văn thời Tấn, tính thanh cao, học rộng, thơ văn lỗi lạc. Đang làm quan, vì không chịu quy lụy quan trên, ông bỏ về nhà, tự làm ruộng để sống.
- (9) *Hàn Dũ* : nhà văn nổi tiếng thời Đường, vì dâng biểu khuyên vua Đường đừng tin đạo Phật mà bị giáng chức và đày đi xa.
- (10) *Liêm, Lạc* : *Liêm*, tức "Liêm Khê tiên sinh" (người dựng nhà học "Liêm Khê thư đường"), tên là Chu Đôn Di. *Lạc*, chỉ hai anh em Trình Hạo, Trình Di, quê ở Lạc Dương. Cả ba đều là triết gia nổi tiếng thời Tống, có ra làm quan, nhưng do quan điểm bảo thủ, không được vua và phái "Tân đảng" tin dùng, nên lại trở về dạy học.

30. *Bị lời xua đuổi về nhà giáo dân*<sup>(1)</sup>.

*Xem qua kính sử mấy lần,  
Nửa phân lại ghét, nửa phân lại thương”.*

(Theo Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu,  
NXB Văn học, Hà Nội, 1971)

### HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Câu nói của nhân vật ông Quán "Vì chung hay ghét cũng là hay thương" cho thấy giữa thương và ghét có mối liên quan với nhau như thế nào ?
2. Lời ông Quán nói về kính sử cho thấy ông ghét loại người nào, vì lí do gì ? Qua đó, có thể hiểu thực chất tư tưởng của ông Quán là gì ?
3. Ông Quán thương những ai, những người ấy có đặc điểm chung nào ? Điều đó cho thấy ông quan tâm đến những lớp người nào trong xã hội ?
4. Những chuyện sử sách Trung Quốc mà ông Quán nói đến cho thấy nhà thơ suy nghĩ gì khi viết *Truyện Lục Vân Tiên* ?
5. Chỉ ra các phương tiện ngôn ngữ trong lời của ông Quán như : điệp ngữ, thành ngữ, tiểu đối, từ láy. Phân tích tác dụng của chúng trong việc tạo nên giọng điệu truyền cảm của ông Quán trong đoạn trích.

### BÀI TẬP NÂNG CAO

Khái quát tư tưởng nhà thơ được thể hiện trong đoạn trích *Lẽ ghét thương*.

### TRI THỨC ĐỌC - HIỂU

#### Giọng điệu trong tác phẩm văn học

Sắc thái cảm xúc của lời văn được tạo nên bởi các phương tiện ngôn ngữ như từ xưng gọi (nàng, chàng, ta, tớ, hân, thị, anh, chị,...), danh từ, tính từ, động từ, thành ngữ, biện pháp tu từ,... cùng biểu hiện một thái độ, tình cảm chủ đạo như yêu, ghét, mỉa mai, chế nhạo,... Chẳng hạn, giọng điệu cảm thương, giọng điệu trào phúng, giọng điệu khinh bạc, giọng điệu ngợi ca,...

---

(1) *Giáo dân* : dạy dân.